TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **211**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2020.
V/v tranh chấp: xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trương Ngươn**

2. ông **Nguyễn Văn Khoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Ngân,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa: ông **Nguyễn Văn Quí** - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2020 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐST- HNGĐ ngày 17/06/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/07/2020 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **TRẦN THỊ T** – sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, Tiền Giang.

Tạm trú: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **ĐẶNG MINH L** – sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, Tiền Giang.

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: chị và anh Đặng Minh L cưới nhau vào năm 2015, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới chị và anh L sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát

sinh mâu thuẫn do anh L có quan hệ với người phụ nữa khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh L sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh L.

- Về con chung: có 02 con chung tên Đặng Gia B - sinh ngày 11/02/2017 và cháu Đặng Gia M - sinh ngày 03/2/2019. Hiện 2 cháu B và M đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 2 cháu B và M, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

***** Bị đơn anh Đặng Minh L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Trần Thị T xin vắng mặt.

Bị đơn anh Đặng Minh L vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T; về con chung: giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng 2 cháu Đặng Gia B - sinh ngày 11/02/2017 và cháu Đặng Gia M - sinh ngày 03/2/2019 cho đến khi 2 cháu B, M đủ 18 tuổi lao động được, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "xin ly hôn".

[1] Xét nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T.

[2] Xét bị đơn anh Đặng Minh L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh L.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T là có cơ sở. Vì chị Trần Thị T và anh Đặng Minh L cưới nhau vào năm 2015, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L số 73 ngày 09/12/2015. Chị T và anh L sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan diểm trong cuộc sống. Chị

T và anh L sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay, mà giữa chị T, anh L vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 2 cháu Đặng Gia B - sinh ngày 11/02/2017 và cháu Đặng Gia M - sinh ngày 03/2/2019. Xét yêu cầu này của chị T phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình thì mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nhưng chị T và anh L không thỏa thuận được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh L và nhu cầu thiết yếu của 2 cháu B, M, đồng thời theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng mỗi tháng không quá ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định là 745.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 cháu B, M là 745.000 đồng/tháng/cháu, hai cháu là 1.490.000 đồng, là phù hợp với Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này chị T và anh L có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về nợ chung: không có

[8] Về án phí: do chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T.

Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Đặng Minh L.

- Về con chung: giao cho chị Trần Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng Đặng Gia B - sinh ngày 11/02/2017 và cháu Đặng Gia M - sinh ngày 03/2/2019 cho đến khi 2 cháu B, M đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Đặng Minh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu B, M mỗi tháng là **745.000** đồng/cháu, hai cháu là **1.490.000** đồng/tháng (một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng), bắt đầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu B, M đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Đặng Minh L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0016445 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy chị T đã nộp xong án phí.

Anh Đặng Minh L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Long Vĩnh
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh